TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày: 17 - 8 - 2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ TỈNH HƯNG YÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Xuân Thuật

2. Ông: Phạm Văn Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn K, sinh năm 1975; sinh trú quán: thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 5/12; con ông: Đỗ Văn S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L; có vợ: Nguyễn Thị T và hai con; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 27 tháng 3 năm 2017, bị tạm giam ngày 02 tháng 4 năm 2017; có mặt.

2. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1968; sinh trú quán: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/10; con ông: Hoàng Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N; có vợ: Phạm Thị Y và ba con; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 28 tháng 3 năm 2017, bị tạm giam ngày 31 tháng 3 năm 2017; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Luyện Văn T, sinh năm 1986; vắng mặt.

2. Anh Luyện Văn T, sinh năm 1982; vắng mặt.

Đều trú tại: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh Bùi Gia V, sinh năm 1977;

Trú tại: thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975;

Trú tại: thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2017, tại đường 376 thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Công an huyện Y trên đường làm nhiệm vụ phát hiện Đỗ Văn K đang có hành vi nhận tiền để bán ma túy cho Luyện Văn T nên đã lập biên bản vụ việc. Vật chứng thu giữ: Thu trên tay phải của K số tiền 390.000 đồng, tại túi áo ngực bên phải của K 01 điện thoại di động Iphone 4 màu trắng có có lắp sim số 01646683722, phía sau dán đề can màu da cam, màn hình bị vỡ; thu tại túi áo ngực bên trái của K 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen có lắp sim số 01649721720; thu tại túi quần phía trước của T 01 điện thoại di động có chữ Masstel màu đen có lắp sim số 0966938687, 01 gói giấy kích thước (1,5x01)cm bọc bằng tờ lịch bên trong chứa chất dạng bột cục màu trắng được niêm phong ký hiệu M; thu của K 01 xe mô tô biển số 89K5-5023; thu của T 01 xe mô tô biển số 24P6-0843.

Ngày 26 tháng 3 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Văn K nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì; khám xét chỗ ở của Hoàng Văn Đ thu giữ: trong vỏ hộp bánh Danisa loại hộp kim loại hình trụ, đường kính 20cm, cao 12cm để trên bàn uống nước kê ở góc tường trong nhà bên trái giáp cửa ra vào nhà gồm 01 gói giấy nhỏ (loại tờ lịch lốc) màu tím kích thước (1,5x01)cm bên trong có chứa chất cục bột màu trắng niêm phong trong phong bì kín ký kiệu M1; 02 túi nilon miệng túi có viền màu đỏ đều có kích thước (7x4)cm bên trong có dính chất bột màu trắng, 01 túi nilon màu trắng miệng túi có viền màu đỏ có kích thước (11x6)cm bên trong có dính chất bột màu trắng; 02 con dao tem kim loại màu trắng lưỡi dao có dính chất bột màu trắng, tất cả niêm phong vào phong bì kín ký hiệu M2; 02 chiếc kéo cắt giấy dài 18cm, một chiếc chuôi nhựa màu xanh, một chiếc chuôi nhựa màu tím; thu tại gậm giường ngủ kê sát phòng góc tường Tây Bắc giáp cửa ra vào 01 khẩu súng hơi cũ báng súng bằng gỗ sơn màu nâu; thu trong ngăn tủ đứng 01 túi giấy màu vàng kích thước (20x15)cm bên trong đựng đạn súng hơi dạng chì màu xám dài tổng trọng lượng 0,25kg; thu tại túi quần bên phải của Đ đang mặc số tiền 1.550.000 đồng; thu trên giường ngủ kê sát góc tường Tây Bắc giáp cửa ra vào nhà 01 điện thoại Iphone màu trắng đã cũ, số Imei 352031064100604 trong đó có sim số 0986804798.

Quá trình điều tra xác định khoảng 20 giờ ngày 24 tháng 3 năm 2017, Luyện Văn T sử dụng điện thoại Masstel lắp sim số 0966938687 liên lạc vào số điện thoại 01646683722 của Đỗ Văn K hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy, K đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 24P6-0843 đi từ nhà xuống khu vực cầu H thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện Y thì gặp K đang đi bộ nên đưa cho K 200.000 đồng, K cầm tiền bảo T đứng đợi sau đó quay lại đưa cho T 01 gói ma túy được bọc bằng tờ lịch.

Tiếp đó khoảng 16 giờ ngày 25 tháng 3 năm 2017, T và Bùi Gia V mỗi người góp 200.000 đồng để mua ma túy sử dụng, T sử dụng điện thoại Masstel lắp sim số 0966938687 liên lạc vào số điện thoại 01646683722 của K hỏi mua 400.000 đồng

tiền ma túy thì K hẹn gặp tại cây xăng T ở thôn H, xã T. K sử dụng điện thoại Iphone có lắp sim số 01646683722 điện thoại vào số 0986804798 của Đ hỏi mua 400.000 đồng tiền ma túy thì Đ đồng ý, hẹn đến nhà lấy. T điều khiển xe mô tô biển số 24P6-0843 chở V đến chỗ hẹn thấy K điều khiển xe mô tô biển số 89K5-5023 đi đến nên đưa cho K 395.000 đồng và nói cho xin 5.000 đồng. K đồng ý, cầm tiền của T và lấy tiền của mình bù vào đủ 400.000 đồng rồi điều khiển xe đi đến nhà Đ. K vào trong nhà đi đến khu vực cửa lách sau nhà gặp Đ đưa 400.000 đồng, Đ nhận tiền rồi đưa lại cho K 01 gói ma túy được bọc bằng giấy trắng có dòng kẻ ô ly kích thước khoảng (1x1,5)cm. K cầm gói ma túy đi ra đến khu vực bếp nấu rượu nhà Đ thì nhặt một tờ giấy lịch rồi xé lấy một mảnh nhỏ dùng móng tay san gói ma túy vừa mua được của Đ thành hai gói rồi quay lại đưa cho T gói ma túy được gói bằng tờ lịch. T cầm gói ma túy K đưa rồi cùng V đi chia nhau số ma túy mua được, V đã sử dụng hết còn T sử dụng một phần, phần chưa sử dụng cất giấu trên người nên bị thu giữ ngày 26 tháng 3 năm 2017.

Kết luận giám định số 1520/C54(TT2) ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận:

Mẫu kí hiệu M: chất bột dạng cục màu trắng trong 01 (một) gói giấy gửi giám định có trọng lượng 0,016 gam, có Heroine.

Mẫu kí hiệu M1: chất bột dạng cục màu trắng trong 01 (một) gói giấy gửi giám định có trọng lượng 0,034 gam, có Heroine.

Mẫu kí hiệu M2: chất bột màu trắng bám dính trong 03 (ba) túi nilon và 02 (hai) lưỡi dao tem gửi giám định đều có Heroine.

Heroine nằm trong danh mục I, STT: 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Hoàn lại vỏ bao gói mẫu và 02 (hai) lưỡi dao tem. Toàn bộ đối tượng giám định hoàn lại niêm phong trong niêm phong số 1520/C54(TT2).

Kết luận giám định số 1478/C54(P3) ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận: 01 khẩu súng ghi thu trong vụ trên gửi đến giám định là súng hơi, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được. Không đủ cơ sở xác định nước sản xuất và thời gian sản xuất. 0,25 kg các viên kim loại gửi giám định là đạn chì hình nấm, dùng bắn được cho khẩu súng trên. Khi sử dụng súng và đạn trên bắn vào người có thể gây thương tích.

Tại bản cáo trạng số 45/QĐ-VKS-HS ngày 19 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đỗ Văn K về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Văn Đ về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát.

KSV trình bày lời luận tội và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo K. Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo Đ.

Tuyên các bị cáo K, Đ phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử bị cáo K từ 7 năm đến 8 năm tù; bị cáo Đ từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Truy thu đối với bị cáo K số tiền 200.000 đồng.

Vật chứng: Xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác:

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, Biên bản vụ việc, Kết luận giám định cùng các tài liệu có trong hồ sơ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo có hành vi như sau:

Hành vi thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 24 tháng 3 năm 2017 tại chân cầu H thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện Y, Đỗ Văn K đã bán cho Luyện Văn T 01 gói ma túy được số tiền 200.000 đồng.

Hành vi thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 25 tháng 3 năm 2017 tại khu vực cửa hàng xăng T thuộc thôn H, xã T, huyện Y, Đỗ Văn K sau khi nhận của Luyện Văn T số tiền 395.000 đồng đã đến nhà Hoàng Văn Đ mua 01 gói ma túy với số tiền 400.000 đồng sau đó chia số ma túy vừa mua được làm hai gói và đưa cho T 01 gói ma túy.

Hành vi thứ ba: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2017, tại đường 376 thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện Y, Đỗ Văn Kiên đang nhận của Luyện Văn T số tiền 390.000 đồng để đi mua ma túy về đưa cho T thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi ba lần nhận tiền để đi mua ma túy về bán cho cho Luyện Văn T của Đỗ Văn K đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự và hành vi bán 400.000 đồng tiền ma túy cho Đỗ Văn K của Hoàng Văn Đ đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Đỗ Văn K và Hoàng Văn Đ phạm tội độc lập, cả hai đều sử dụng ma túy nên nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng để đáp ứng nhu cầu của bản thân đã thực hiện hành vi mua bán ma túy để bán lại bất chấp hậu quả đối với xã hội do vậy cần buộc chấp hành hình phạt tại trại giam mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo K đã tự khai nhận hành vi bán ma túy ngày 24 tháng 3 năm 2017, ngày 26 tháng 3 năm 2017 mới nhận tiền chưa bán được ma túy và bị cáo Đ có bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang để giảm nhẹ hình phạt đối với từng bị cáo theo quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Hoàng Văn Đ, Đỗ Văn K là đối tượng sử dụng ma túy, không có tài sản có giá trị nên sẽ miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Lời khai nhận của hai bị cáo phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người liên quan có đủ căn cứ xác định số tiền do mua bán ma túy mà có ngày 24 tháng 3

năm 2017 của bị cáo K là 200.000 đồng và số tiền 395.000 đồng do bán ma túy mà có ngày 25 tháng 3 năm 2017 đã được bị cáo K sử dụng mua ma túy của bị cáo Đ nên sẽ buộc bị cáo K phải giao nộp số tiền 200.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Vật chứng của vụ án thấy lời khai nhận của bị cáo Đỗ Văn K phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị T có đủ căn cứ xác định chiếc xe mô tô biển số 89K5-5023 là tài sản chung của vợ chồng, chị T không biết bị cáo sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu sung quỹ Nhà nước 1/2 giá trị xe và trả chị T 1/2 giá trị xe theo quy định của pháp luật; một đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 89K5-5023 sẽ bán cùng xe để thi hành án; số tiền 390.000 đồng thu giữ của bị cáo K ngày 26 tháng 3 năm 2017 là tiền dùng vào việc phạm tội cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel là phương tiện dùng liên lạc để mua bán ma túy nên sẽ tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cùng sim điện thoại thu giữ của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội nên sẽ trả lại theo quy định. Số tiền 1.550.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ ngày 26 tháng 3 năm 2017 có 400.000 đồng là tiền bán ma túy cho bị cáo K ngày 25 tháng 3 năm 2017 nên sẽ tịch thu sung quỹ Nhà nước, số tiền 1.150.000 đồng còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội nên sẽ trả lại theo quy định. Ba sim điện thoại di động có số thuê bao 01646683722, 0966938687 và 0986804798 cùng vỏ bao mẫu gói, 02 lưỡi dao tem là mẫu vật giám định hoàn lại trong niêm phong không có giá trị sử dụng; 02 chiếc kéo không liên quan đến hành vi phạm tội có giá trị không lớn, bị cáo Đ không yêu cầu được nhận lại nên sẽ tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra có đủ cơ sở xác định chiếc xe mô tô biển số 24P6-0843 là tài sản của anh Luyện Văn T, anh T khi cho em là Luyện Văn T mượn không biết anh T sử dụng để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y giao trả anh T chiếc xe mô tô là đúng quy định. Công an huyện Y đã xử phạt hành chính đối với Hoàng Văn Đ về hành vi không giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và tịch thu tang vật vi phạm hành chính đồng thời xử phạt hành chính đối với Luyện Văn T và Bùi Gia V về hành vi sử dụng trái là phù hợp pháp luật. Người đã bán ma túy cho Hoàng Văn Đ như lời khai của bị cáo không xác định được nên không đặt ra để xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí và lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn K và Hoàng Văn Đ phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn K.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Đ.

Xử phạt bị cáo bị cáo Đỗ Văn K 07 năm 3 tháng (bẩy năm ba tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 27 tháng 3 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 28 tháng 3 năm 2017.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Văn K giao nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Chi cục Thi hành án dân sự có quyết định thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 790.000 đồng (bẩy trăm chín mươi nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu I phone 5 màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu I phone 4 màu trắng, bị vỡ màn hình và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1/2 (một phần hai) và trả chị Nguyễn Thị T, trú tại: thôn Giã Cầu, xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên 1/2 (một phần hai) giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển số đăng ký 89K5-5023. Chị Nguyễn Thị T được quyền nộp tiền bằng 1/2 (một phần hai) giá trị xe để được nhận xe mô tô biển số đăng ký 89K5-5023 cùng đăng ký mô tô, xe máy số 042125. Bán đấu giá xe mô tô biển số đăng ký 89K5-5023 cùng đăng ký mô tô, xe máy số 042125 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 17 tháng 12 năm 2008 để sung quỹ Nhà nước 1/2 (một phần hai) số tiền và trả chị Nguyễn Thị T 1/2 (một phần hai) số tiền trong trường hợp chị T không nộp tiền để nhận xe.

Tịch thu tiêu hủy ba sim điện thoại di động có số thuê bao 01646683722, 0966938687 và 0986804798; vỏ bao mẫu gói, 02 lưỡi dao tem là mẫu vật giám định hoàn lại trong niêm phong số 1520/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự; 02 chiếc kéo dài 18cm, một chiếc chuôi nhựa màu xanh, một chiếc chuôi nhựa màu tím.

Trả lại bị cáo Hoàng Văn Đ số tiền 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và trả lại bị cáo Đỗ Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen bên trong có sim số thuê bao 01649721720.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chi ngày 20 tháng 7 năm 2017.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Đỗ văn K và Hoàng Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các bị cáo;*
- *VKSND huyện Yên Mỹ;*
- *Công an huyện Yên Mỹ;*
- *Công an trại tạm giam;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRƯƠNG QUANG TÚ